BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG * Số 168-QĐ/TW	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
về việc ban hành Quy chế làm việc mẫu của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương

---

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XII;

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc mẫu của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh uỷ).

Điều 2. Trên cơ sở Quy chế làm việc mẫu này và các quy định của Trung ương có liên quan, các tỉnh uỷ xây dựng quy chế làm việc của mình phù hợp với yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo tại địa phương.

Giao cho Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc thực hiện.

Điều 3. Văn phòng Trung ương Đảng, các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo), - Các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương, - Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, - Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, - Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.	**T/M BAN BÍ THƯ** ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG **Trần Quốc Vượng**

2.QDTW168.DOC

TỈNH UỶ.....	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
*	*....., ngày ... tháng ... năm...*
Số .....-QC/TU	

QUY CHẾ LÀM VIỆC
của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 168-QĐ/TW, ngày 28/12/2018 của Ban Bí thư)

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ;

- Căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương,

Ban chấp hành đảng bộ tỉnh....., khoá....., nhiệm kỳ..... quyết định Quy chế làm việc của ban chấp hành, ban thường vụ và thường trực Tỉnh uỷ như sau:

Chương I
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TẬP THỂ

Điều 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tỉnh uỷ

(Cụ thể hoá theo Điều 4, Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ

(Cụ thể hoá theo Điều 5, Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Tỉnh uỷ

(Cụ thể hoá theo Điều 2, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁ NHÂN

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của uỷ viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước tỉnh uỷ về sự lãnh đạo của tỉnh uỷ trong lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.

2. Chủ động đề xuất ý kiến với tỉnh uỷ, ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp và chương trình hoạt động của tỉnh uỷ, ban thường vụ và thường trực tỉnh uỷ liên quan đến lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách. Thường xuyên nắm chắc tình hình, chủ động phát hiện, giải quyết kịp thời những vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ các vấn đề đột xuất, phức tạp vượt thẩm quyền.

3. Nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Giữ gìn sự thống nhất ý chí, hành động và đoàn kết trong Đảng; không nói trái, làm trái nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận của Trung ương và tỉnh uỷ; kiên quyết đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch; bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối của Đảng.

Cùng với cấp uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng nơi công tác, lãnh đạo việc nghiên cứu, quán triệt, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của tỉnh uỷ; chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở cơ quan, tổ chức, ngành, địa phương được phân công phụ trách.

4. Gương mẫu thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các quy định của Trung ương và của tỉnh uỷ về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp. Thường xuyên tự soi mình với các biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" và đề ra giải pháp khắc phục. Tích cực góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh ở đơn vị mình sinh hoạt, công tác.

Có lối sống gương mẫu, trong sạch, lành mạnh; xây dựng gia đình văn hoá; không để vợ (hoặc chồng), con lợi dụng làm những việc trái quy định của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng. Giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

5. Nghiêm chỉnh chấp hành sự phân công và điều động của cấp có thẩm quyền; có quyền trình bày ý kiến khi các cơ quan có thẩm quyền đánh giá, nhận xét, quyết định bố trí công tác, thi hành kỷ luật đối với mình.

6. Trực tiếp phụ trách và chịu trách nhiệm hoặc tham gia chỉ đạo công tác tổ chức, cán bộ; xây dựng quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ kế cận, nhất là cán bộ thay thế chức vụ mình đang đảm nhiệm. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát, nhận xét, đánh giá cán bộ thuộc cơ quan, tổ chức, ngành, địa phương được phân công phụ trách. Chỉ đạo triển khai các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực và thực hành tiết kiệm ở đơn vị, địa bàn được phân công phụ trách; chịu trách nhiệm đối với những sai phạm của tổ chức và cán bộ dưới quyền quản lý trực tiếp.

7. Nghiêm túc thực hiện tự phê bình và phê bình theo quy định của Đảng. Hằng năm tự phê bình về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phong cách công tác, ý thức tổ chức kỷ luật và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Lắng nghe, cầu thị tiếp thu ý kiến góp ý, nhất là các hạn chế, khuyết điểm của mình hoặc có liên quan đến mình. Có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra trong kỳ kiểm điểm và khuyết điểm do cấp có thẩm quyền kết luận và khuyết điểm được chỉ ra ở các kỳ kiểm điểm trước.

Thực hiện phê bình, chất vấn về hoạt động của tỉnh uỷ, ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ và các thành viên khác theo quy định. Cá nhân được phê bình, chất vấn có trách nhiệm tiếp thu, giải trình và trả lời rõ ràng về các nội dung phê bình, chất vấn.

8. Tích cực, tự giác học tập, cập nhật thông tin, kiến thức mới và được bồi dưỡng, nâng cao trình độ về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực hoạt động thực tiễn.

9. Tham dự đầy đủ các phiên họp tỉnh uỷ; tích cực thảo luận, đóng góp ý kiến cho các nghị quyết, quyết định, văn bản của tỉnh uỷ và cùng tỉnh uỷ chịu trách nhiệm trong việc lãnh đạo thực hiện. Phối hợp chuẩn bị nội dung thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách để trình tỉnh uỷ, ban thường vụ tỉnh uỷ. Tham gia các ban chỉ đạo, tiểu ban, tổ công tác hoặc các hình thức tổ chức khác của tỉnh uỷ, ban thường vụ tỉnh uỷ khi được phân công.

10. Có quyền bầu cử, ứng cử, đề cử, xin rút khỏi danh sách đề cử theo quy định của Điều lệ Đảng và Quy chế bầu cử trong Đảng.

11. Thực hiện chế độ bảo mật thông tin, giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn của Đảng, Nhà nước.

12. Được cung cấp và yêu cầu ban thường vụ tỉnh uỷ cung cấp những thông tin cần thiết, kịp thời về hoạt động của cấp uỷ, chính quyền các cấp trong tỉnh; về tình hình trong nước và quốc tế để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của uỷ viên ban thường vụ tỉnh uỷ

Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 4 của Quy chế này, uỷ viên ban thường vụ tỉnh uỷ còn có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chỉ đạo việc chuẩn bị các nghị quyết, quyết định, văn bản của ban thường vụ, tỉnh uỷ thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách và các nội dung theo phân công của ban thường vụ. Tham gia đầy đủ các phiên họp của ban thường vụ; tích cực thảo luận, đóng góp ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ban thường vụ tỉnh uỷ và cùng tập thể ban thường vụ chịu trách nhiệm về những quyết định đó.

2. Trực tiếp giải quyết hoặc chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp giải quyết công việc và những kiến nghị của các tập thể, cá nhân thuộc lĩnh vực, phạm vi được phân công phụ trách. Đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực khác thì chủ động trao đổi với đồng chí uỷ viên ban thường vụ có liên quan hoặc báo cáo với đồng chí phó bí thư, bí thư tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến.

3. Chỉ đạo hoặc phối hợp chỉ đạo thực hiện công tác cán bộ của các ban, ngành, địa phương trong lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của bí thư tỉnh uỷ

(Cụ thể hoá theo Điều 3, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của phó bí thư thường trực tỉnh uỷ

(Cụ thể hoá theo Điều 4, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của phó bí thư - chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh

(Cụ thể hoá theo Điều 5, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của bí thư hoặc phó bí thư là chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh

(Cụ thể hoá theo Điều 6, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của phó bí thư phụ trách xây dựng tổ chức cơ sở đảng

(Cụ thể hoá theo Điều 7, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Chương III
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA TỈNH UỶ, BAN THƯỜNG VỤ TỈNH UỶ, THƯỜNG TRỰC TỈNH UỶ

Điều 11. Với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

(Cụ thể hoá theo Điều 6, Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Điều 12, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 12. Với Đảng đoàn Quốc hội

(Cụ thể hoá theo Điều 33, Quyết định số 295-QĐ/TW, ngày 06/11/2015 của Bộ Chính trị về Quy chế làm việc của Đảng đoàn Quốc hội).

Điều 13. Với Ban cán sự đảng Chính phủ

(Cụ thể hoá theo Điều 23, Quyết định số 198-QĐ/TW, ngày 18/9/2013 của Bộ Chính trị về quan hệ công tác giữa Ban cán sự đảng Chính phủ với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, đảng uỷ các đơn vị sự nghiệp Trung ương, các ban đảng Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương).

Điều 14. Với các cơ quan đảng của Trung ương

(Cụ thể hoá theo Khoản 2, Điều 7, Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Điều 12, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 15. Với đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương

(Cụ thể hoá theo Điều 15, Quyết định số 162-QĐ/TW, ngày 05/12/2018 của Ban Bí thư về Quy chế làm việc mẫu của đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương).

Điều 16. Với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trực thuộc Trung ương

(Cụ thể hoá theo Điều 15, 16, Quy định số 314-QĐ/TW, ngày 01/7/2010 của Ban Bí thư về công tác giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể với tập thể lãnh đạo và đảng uỷ cơ quan, các đảng đoàn,

ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng, các tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 17. Với Đảng uỷ Công an Trung ương và các đảng uỷ trực thuộc Quân uỷ Trung ương

(Cụ thể hoá theo Điều 24, 27, Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 05/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng).

Với các đơn vị đóng trên địa bàn: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tỉnh uỷ xây dựng mối quan hệ công tác phù hợp với yêu cầu tình hình thực tiễn của địa phương.

Điều 18. Với các tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương

(Cụ thể hoá theo Điều 8, Quyết định số 253-QĐ/TW, ngày 07/8/2009 của Ban Bí thư về Quy chế phối hợp công tác giữa Đảng uỷ khối các cơ quan Trung ương với đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương).

Điều 19. Với đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh và đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

Tỉnh uỷ, ban thường vụ và thường trực tỉnh uỷ lãnh đạo Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân tỉnh thông qua đảng đoàn Hội đồng nhân dân, ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh và các đảng viên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên Uỷ ban nhân dân tỉnh; tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

1. Với đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh

(Cụ thể hoá theo Điều 3, Quy định số 231-QĐ/TW, ngày 16/6/2009 của Ban Bí thư về quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh uỷ, thành uỷ với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc và Điều 9, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

2. Với ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh

(Cụ thể hoá theo Điều 4, Quy định số 231-QĐ/TW, ngày 16/6/2009 của Ban Bí thư về quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh uỷ, thành uỷ với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc và Điều 9, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

3. Với đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

- Tỉnh uỷ, ban thường vụ và thường trực tỉnh uỷ lãnh đạo hoạt động của đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh thông qua các đồng chí trưởng, phó trưởng đoàn và các đại biểu Quốc hội là uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi cho đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

- Đoàn đại biểu Quốc hội thường xuyên phản ánh ý kiến, nguyện vọng của cử tri để ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ chỉ đạo các cơ quan, địa phương giải quyết.

Điều 20. Với ban cán sự đảng toà án nhân dân tỉnh, ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân tỉnh

(Cụ thể hoá theo Điều 6, Quy định số 231-QĐ/TW, ngày 16/6/2009 của Ban Bí thư về quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh uỷ, thành uỷ với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc và Điều 9, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 21. Với đảng đoàn uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội và ban thường vụ tỉnh đoàn

(Cụ thể hoá theo Điều 5, Quy định số 231-QĐ/TW, ngày 16/6/2009 của Ban Bí thư về quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh uỷ, thành uỷ với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc và Điều 9, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 22. Với các cấp uỷ trực thuộc tỉnh uỷ

(Cụ thể hoá theo Điều 8, Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Điều 10, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 23. Với các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh uỷ

(Cụ thể hoá theo Điều 8, Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Điều 11, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 24. Quan hệ công tác trong nội bộ thường trực tỉnh uỷ

(Cụ thể hoá theo Điều 8, Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ).

Điều 25. Các mối quan hệ khác

(Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác, tỉnh uỷ nghiên cứu, xây dựng phù hợp với tình hình của địa phương).

Chương IV
NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 26. Nguyên tắc làm việc

1. Tỉnh uỷ, ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức; chấp hành nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh uỷ và nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh.

2. Cá nhân được quyền phát biểu và bảo lưu ý kiến của mình, nhưng phải chấp hành nghị quyết của tập thể. Ý kiến bảo lưu có thể được phản ánh lên cấp trên, nhưng không được tuyên truyền, phổ biến ra bên ngoài.

3. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo; đồng thời, nêu cao tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của mỗi cá nhân, nhất là người đứng đầu. Thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

Điều 27. Thực hiện chương trình công tác

1. Tỉnh uỷ, ban thường vụ tỉnh uỷ, thường trực tỉnh uỷ làm việc theo chương trình, kế hoạch công tác đã được tập thể thông qua; theo chỉ đạo của Trung ương hoặc khi có yêu cầu đột xuất.

Tỉnh uỷ có chương trình công tác toàn khoá và hằng năm. Ban thường vụ tỉnh uỷ làm việc theo chương trình công tác toàn khoá, hằng năm, 6 tháng, hằng quý, hằng tháng *(có điều chỉnh khi cần).*

2. Văn phòng tỉnh uỷ phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh uỷ, các cơ quan chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh

và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng chương trình làm việc của tỉnh uỷ, ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ trong từng thời gian cụ thể.

3. Uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ trên cơ sở chương trình công tác của tỉnh uỷ, ban thường vụ tỉnh uỷ, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của mình, tăng cường làm việc với cấp dưới và cơ sở; thường xuyên tiếp xúc với cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Điều 28. Chế độ hội nghị của tỉnh uỷ, ban thường vụ tỉnh uỷ

1. Tỉnh uỷ họp thường lệ ba tháng một lần, khi ban thường vụ thấy cần thiết hoặc khi có trên 1/2 uỷ viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh đề nghị thì ban thường vụ quyết định triệu tập hội nghị tỉnh uỷ đột xuất. Ban thường vụ họp thường lệ ít nhất ...lần/tháng, họp đột xuất khi cần, do thường trực tỉnh uỷ chuẩn bị nội dung và triệu tập. Hội nghị tỉnh uỷ, ban thường vụ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự.

Các uỷ viên uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ không là tỉnh uỷ viên được mời dự hội nghị tỉnh uỷ *(trừ nội dung cần họp riêng)*. Tuỳ theo nội dung, ban thường vụ có thể mời một số đồng chí thủ trưởng các sở, ban, ngành không phải là tỉnh uỷ viên có liên quan đến nội dung hội nghị dự họp và báo cáo với tỉnh uỷ tại hội nghị (nếu thấy cần thiết).

2. Ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ có trách nhiệm chuẩn bị hội nghị cấp uỷ, hội nghị ban thường vụ cấp uỷ; xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi của mỗi hội nghị; phân công uỷ viên ban thường vụ chủ trì và tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị các đề án. Các tổ chức, cá nhân được giao chuẩn bị đề án phục vụ hội nghị phải hoàn thành kịp thời, có chất lượng. Đối với những vấn đề đột xuất, chưa có trong chương trình hội nghị, nếu xét thấy quan trọng và cấp thiết, cơ quan, đơn vị chủ trì báo cáo thường trực tỉnh uỷ hoặc ban thường vụ tỉnh uỷ xem xét, quyết định.

3. Các đơn vị được phân công chuẩn bị phải gửi tài liệu phục vụ hội nghị đến văn phòng tỉnh uỷ trước kỳ họp ít nhất ... ngày để thẩm định; văn phòng tỉnh uỷ gửi giấy mời và tài liệu hội nghị đến các thành viên trước kỳ họp ... ngày, đối với hội nghị tỉnh uỷ và trước ... ngày đối với hội nghị ban thường vụ tỉnh uỷ *(trừ trường hợp hội nghị đột xuất)*.

Điều 29. Chế độ thông tin, báo cáo, học tập và bảo mật

1. Ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ giao văn phòng tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp ban tuyên giáo tỉnh uỷ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời các

thông tin theo quy định và những vấn đề nổi bật hằng tuần của đảng bộ cho các đồng chí tỉnh uỷ viên.

2. Định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng, năm, các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc tỉnh uỷ, các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh uỷ, ban thường vụ tỉnh đoàn, thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh báo cáo *(bằng văn bản)* với ban thường vụ tỉnh uỷ về tình hình, kết quả triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của tỉnh uỷ, ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ và việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Khi có tình hình, công việc đột xuất, cấp thiết hoặc vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của thường trực, ban thường vụ và tỉnh uỷ.

3. Uỷ viên ban chấp hành phải thường xuyên tự giác học tập, tham gia các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới.

4. Uỷ viên ban chấp hành phải thực hiện nghiêm chế độ bảo mật, kỷ luật phát ngôn theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 30. Chế độ ban hành, quản lý văn bản

1. Các kết luận và quyết định xử lý công việc của thường trực tỉnh uỷ được ban thường vụ uỷ quyền đều được văn bản hoá theo quy định và được gửi đến các tổ chức và cá nhân có nhiệm vụ thực hiện. Các ý kiến chỉ đạo của thường trực tỉnh uỷ tại các cuộc họp hoặc làm việc đều phải do văn phòng tỉnh uỷ thông báo bằng văn bản (trừ những việc các đồng chí thường trực tỉnh uỷ trực tiếp chỉ đạo xử lý và không yêu cầu ra văn bản).

2. Các kết luận, quyết định, các văn bản chỉ đạo của tập thể thường trực và của từng đồng chí trong thường trực phải bảo đảm đúng thể thức, thể loại văn bản của Đảng, ký ban hành đúng thẩm quyền và được phát hành, quản lý, lưu trữ theo quy định hiện hành.

3. Nghị quyết, quyết định của tỉnh uỷ, ban thường vụ phải có trên 1/2 số thành viên đương nhiệm tán thành. Trong một số trường hợp, do nội dung vấn đề phải giải quyết không phức tạp hoặc không tổ chức họp ban thường vụ được thì thường trực tỉnh uỷ chỉ đạo văn phòng tỉnh uỷ gửi xin ý kiến ban thường vụ bằng văn bản *(trừ công tác cán bộ),* khi có trên 1/2 thành viên ban thường vụ đương nhiệm tán thành thì ý kiến quá bán đó coi như nghị quyết của cuộc họp; trường hợp, tuy đã có trên 1/2 thành viên tán thành, nhưng còn có ý kiến khác nhau về những vấn đề quan trọng thì cần đưa ra hội nghị ban thường vụ thảo luận, tạo sự thống nhất trước khi quyết định.

Điều 31. Thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình

1. Hằng năm, tập thể ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ và các đồng chí bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo quy định. Kết quả kiểm điểm được báo cáo tại hội nghị tỉnh uỷ để lấy ý kiến góp ý và gửi về Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo quy định.

2. Uỷ viên ban chấp hành phải gương mẫu tham gia sinh hoạt đảng, thường xuyên tự phê bình và phê bình theo quy định.

3. Cuối nhiệm kỳ, tỉnh uỷ kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo; uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ, thường trực tỉnh uỷ tiến hành tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội.

Điều 32. Chế độ đi công tác cơ sở, tiếp xúc với cán bộ, đảng viên và nhân dân

1. Hằng năm, ban thường vụ tỉnh uỷ làm việc với ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc tỉnh uỷ để nắm tình hình và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

2. Thành viên thường trực tỉnh uỷ chủ động xây dựng kế hoạch làm việc với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và tiếp xúc, đối thoại với nhân dân.

3. Uỷ viên ban chấp hành chủ động bố trí, sắp xếp công việc, dành ít nhất 1/3 thời gian để đi cơ sở nắm bắt tình hình, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, đề xuất, kiến nghị của nhân dân, qua đó giúp cơ sở kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

Điều 33. Tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và địa phương

1. Căn cứ quy định và yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban thường vụ tỉnh uỷ ban hành chương trình, kế hoạch và chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và của tỉnh uỷ; báo cáo với Trung ương và thông báo cho cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc.

2. Các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và của tỉnh uỷ thuộc ngành, lĩnh vực nào thì ban thường vụ tỉnh uỷ giao cho cơ quan có liên quan chủ trì chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung sơ kết, tổng kết. Những vấn đề liên quan nhiều cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thì ban thường vụ giao một cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoặc thành lập tổ công tác để chuẩn bị nội dung sơ kết, tổng kết.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Tổ chức thực hiện

Các đồng chí uỷ viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư tỉnh uỷ và các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này.

Văn phòng tỉnh uỷ chủ trì phối hợp với uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, Ban Tổ chức tỉnh uỷ và các cơ quan liên quan giúp tỉnh uỷ, ban thường vụ tỉnh uỷ theo dõi việc thực hiện quy chế, đề xuất sửa đổi, bổ sung khi cần thiết. Cuối nhiệm kỳ tổng kết, đánh giá thực hiện quy chế.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M TỈNH UỶ
BÍ THƯ

Nơi nhận:
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương (phối hợp),
- Các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc tỉnh uỷ (thực hiện),
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh uỷ (thực hiện),
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (thực hiện),
- Các đồng chí tỉnh uỷ viên (thực hiện),
- Các đồng chí uỷ viên uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ,
- Lưu Văn phòng tỉnh uỷ.